

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

QUAN ĐIỂM CỦA MỘT SỐ HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY VỀ ĐA NGUYÊN TÔN GIÁO

HOÀNG VĂN CHUNG*

Kinh nghiệm tôn giáo xưa nay vẫn được định nghĩa là cuộc truy tìm cái thực tại tối thượng. Để tìm kiếm thực tại đó, các tôn giáo thường phải có những nỗ lực thực sự nhằm khẳng định tính duy nhất và tính phổ biến toàn cầu của mình. Do đó, sẽ là mâu thuẫn nếu một tôn giáo phải chấp nhận các cách lí giải khác về thực tại tối thượng ngoài quan điểm của mình. Nhưng trong thực tế, đa nguyên về tôn giáo luôn tồn tại, và bản thân các tôn giáo ngày nay đều mang trong mình những đặc trưng của tính đa nguyên. Bài viết bước đầu tìm hiểu, khái quát bối cảnh của đa nguyên tôn giáo, các định nghĩa về đa nguyên tôn giáo, và sau cùng là các quan điểm chính liên quan đến đa nguyên tôn giáo và các vấn đề hiện nay đặt ra của hiện tượng đa nguyên tôn giáo.

1. Bối cảnh đa nguyên tôn giáo và những cách hiểu về khái niệm này

1.1 Bối cảnh của đa nguyên tôn giáo

Người ta có thể đồng ý với nhau rằng đa nguyên tôn giáo bắt nguồn từ đa nguyên xã hội. Thế giới phương Tây không xa lạ gì với khái niệm này. Các xã hội phương Tây, về mặt lịch sử, như Samuel Huntington, tác giả cuốn *Sự va chạm của các nền văn minh* chỉ ra, là các

xã hội có tính chất đa nguyên rất cao⁽¹⁾, thể hiện rõ ở sự xuất hiện và tồn tại của các nhóm đa dạng tự quản không dựa theo quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân⁽²⁾.

Rộng hơn, bối cảnh đa nguyên tôn giáo hiện nay có thể nói là nằm trong tình hình chung của một thế giới đa nguyên hơn bao giờ hết. Nói về một thế giới mới đa cực và đa văn minh, Huntington đã chỉ ra: “trong thế giới hậu Chiến tranh lạnh, lần đầu tiên trong lịch sử, nền chính trị toàn cầu trở nên đa cực và đa văn minh”⁽³⁾. Ông cũng khẳng định trong thế giới mới, các cuộc xung đột dữ dội, quan trọng và nguy hiểm nhất lại chính là giữa các dân tộc thuộc về các chính thể văn hoá khác nhau. Trên cơ sở thừa nhận tôn giáo thuộc về văn hoá, tác giả cho rằng trong thế giới hậu Chiến tranh lạnh, văn hoá vừa là sức mạnh đoàn kết vừa là

*. Th.S., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Samuel Huntington. *Sự va chạm của các nền văn minh*. Người dịch: Nguyễn Phương Bửu, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Phương Nam, Lưu ánh Tuyết. Nxb. Lao Động, Hà Nội 2005 (Nguyên tác. Samuel Huntington. *The Clash of Civilization and The Making of World Order*. Nxb. Simon & Schuster, Canada, 2001), tr. 77.

2. Samuel Huntington. Sđd., tr. 78.

3. Samuel Huntington. Sđd., tr. 11.

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

QUAN ĐIỂM CỦA MỘT SỐ HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY VỀ ĐA NGUYÊN TÔN GIÁO

HOÀNG VĂN CHUNG^(*)

Kinh nghiệm tôn giáo xưa nay vẫn được định nghĩa là cuộc truy tìm cái thực tại tối thượng. Để tìm kiếm thực tại đó, các tôn giáo thường phải có những nỗ lực thực sự nhằm khẳng định tính duy nhất và tính phổ biến toàn cầu của mình. Do đó, sẽ là mâu thuẫn nếu một tôn giáo phải chấp nhận các cách lí giải khác về thực tại tối thượng ngoài quan điểm của mình. Nhưng trong thực tế, đa nguyên về tôn giáo luôn tồn tại, và bản thân các tôn giáo ngày nay đều mang trong mình những đặc trưng của tính đa nguyên. Bài viết bước đầu tìm hiểu, khái quát bối cảnh của đa nguyên tôn giáo, các định nghĩa về đa nguyên tôn giáo, và sau cùng là các quan điểm chính liên quan đến đa nguyên tôn giáo và các vấn đề hiện nay đặt ra của hiện tượng đa nguyên tôn giáo.

1. Bối cảnh đa nguyên tôn giáo và những cách hiểu về khái niệm này

1.1 Bối cảnh của đa nguyên tôn giáo

Người ta có thể đồng ý với nhau rằng đa nguyên tôn giáo bắt nguồn từ đa nguyên xã hội. Thế giới phương Tây không xa lạ gì với khái niệm này. Các xã hội phương Tây, về mặt lịch sử, như Samuel Huntington, tác giả cuốn *Sự va chạm của các nền văn minh* chỉ ra, là các

xã hội có tính chất đa nguyên rất cao⁽¹⁾, thể hiện rõ ở sự xuất hiện và tồn tại của các nhóm đa dạng tự quản không dựa theo quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân⁽²⁾.

Rộng hơn, bối cảnh đa nguyên tôn giáo hiện nay có thể nói là nằm trong tình hình chung của một thế giới đa nguyên hơn bao giờ hết. Nói về một thế giới mới đa cực và đa văn minh, Huntington đã chỉ ra: “trong thế giới hậu Chiến tranh lạnh, lần đầu tiên trong lịch sử, nền chính trị toàn cầu trở nên đa cực và đa văn minh”⁽³⁾. Ông cũng khẳng định trong thế giới mới, các cuộc xung đột dữ dội, quan trọng và nguy hiểm nhất lại chính là giữa các dân tộc thuộc về các chính thể văn hoá khác nhau. Trên cơ sở thừa nhận tôn giáo thuộc về văn hoá, tác giả cho rằng trong thế giới hậu Chiến tranh lạnh, văn hoá vừa là sức mạnh đoàn kết vừa là

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Samuel Huntington. *Sự va chạm của các nền văn minh*. Người dịch: Nguyễn Phương Báu, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Phương Nam, Lưu ánh Tuyết. Nxb. Lao Động, Hà Nội 2005 (Nguyên tác. Samuel Huntington. *The Clash of Civilization and The Making of World Order*. Nxb. Simon & Schuster, Canada, 2001), tr. 77.

2. Samuel Huntington. Sđd., tr. 78.

3. Samuel Huntington. Sđd., tr. 11.

sức mạnh chia rẽ trong khi sự hồi sinh của tôn giáo nhiều nơi trên thế giới đang củng cố thêm những khác biệt văn hoá⁽⁴⁾.

Bối cảnh thế giới hiện nay cũng khiến cho tác giả cuốn sách cũng như nhiều học giả khác tiên đoán về sự xuất hiện một nền văn minh phổ cập. Khái niệm này, theo Huntington, có ý nghĩa chỉ nhân loại sẽ hội tụ với nhau về văn hoá và ngày càng chấp nhận những giá trị, tín ngưỡng, định hướng, tập quán và các thể chế chung trên khắp thế giới⁽⁵⁾. Và tôn giáo trong bối cảnh này cũng sẽ hướng đến một khả năng phổ cập mà như tác giả nhận định là không khác một ngôn ngữ chung cho toàn thế giới là mấy. Từ cuối thế kỉ XX, nhân loại đã chứng kiến cuộc nổi dậy toàn cầu của tôn giáo trên khắp thế giới và Samuel cho rằng cuộc nổi dậy này “đã làm tăng thêm ý thức tôn giáo và sự trỗi dậy của các phong trào cực đoan. Nó cũng đồng thời khoét sâu thêm những khác biệt giữa các tôn giáo”⁽⁶⁾.

Về các phương diện đa nguyên của xã hội phương Tây, các công trình của Peter Berger (1970) có ảnh hưởng khá đặc biệt. Berger thừa nhận rằng các xu hướng hợp lí hoá đã làm xói mòn thế giới quan siêu nhiên. Nói về bản chất đa nguyên của thế giới hiện đại ông tin hiện đại hoá và công nghiệp hoá là nguyên nhân chính cho sự tan vỡ, đứt gãy của xã hội và tạo ra sự đa dạng của các nhóm tôn giáo và văn hoá. Berger chỉ ra rằng thay vì một truyền thống tôn giáo với một thế giới quan độc nhất, không bị thách thức về cái siêu nhiên, nay đã có khá nhiều các quan điểm khác biệt nhau. Không còn tồn tại một ý nghĩa đơn nhất phổ biến, truyền từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp, thoả mãn cho tất cả các thành viên của xã hội. Trên

một vài phương diện, điều này khá gần với quan điểm tin rằng tôn giáo không còn khả năng diễn đạt và dành lại các giá trị của xã hội hay biện hộ cho các định chế xã hội của nó, trong đó nhà nước không thể ủng hộ một tôn giáo đơn nhất mà không gây ra xung đột với các nhóm xã hội khác nhau.

Truyền thông hiện đại, du lịch, trao đổi giáo dục, di cư và kinh doanh trên phạm vi quốc tế cũng thúc đẩy hội nhập văn hoá⁽⁷⁾ và đương nhiên kéo theo sự trao đổi các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng đa dạng khác nhau. Tất cả phải học cách cùng tồn tại, cạnh tranh và phát triển cùng nhau. Hơn nữa, “các tôn giáo lớn chưa bao giờ tồn tại biệt lập ngoài các tôn giáo khác; các nguồn gốc và sự phát triển của chúng bện xoắn lấy nhau”⁽⁸⁾. Như vậy, một môi trường phổ biến toàn cầu về đa văn hoá và do đó là đa tôn giáo là một sự tất yếu. Trong khi Mỹ khá ổn thoả vì chính sách chấp nhận đa dạng văn hoá, các quốc gia phản ứng mạnh mẽ với toàn cầu hoá, và chủ trương có một tôn giáo duy nhất, như Islam giáo chẳng hạn, lại gặp phải vô vàn những vấn đề rắc rối khi hội nhập quốc tế.

Sự nảy sinh và phát triển bối cảnh đa nguyên tôn giáo cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều tranh luận, rất sôi nổi ở các nước Châu Âu, về mối quan hệ giữa giáo hội và nhà nước và nhu

4. Samuel Huntington. Sđd., tr. 14.

5. Samuel Huntington. Sđd., tr. 55.

6. Samuel Huntington. Sđd., tr. 67.

7. Michael Peterson, William Hasker, Bruce Reichenbach và David Basinger. *Reason & Religious Belief - An Introduction to the Philosophy of Religion*. Nxb. Oxford University, 2003, p. 268.

8. Michael Peterson, William Hasker, Bruce Reichenbach và David Basinger. Sđd., p. 268.

câu kéo theo là xây dựng nhà nước thế tục, tôn trọng mọi tôn giáo, tín ngưỡng và tiến tới quản lý tôn giáo hoàn toàn bằng luật pháp⁽⁹⁾. Có thể nói chính môi trường đa nguyên tôn giáo đặt ra nhu cầu khẩn thiết cho việc đấu tranh cho quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng ở những cấp độ mới. Đồng thời ở nơi các nhà nước đã có những biện pháp tích cực bảo vệ tự do tôn giáo, không phân biệt đối xử giữa các loại hình tôn giáo (truyền thống hay mới xuất hiện), đa nguyên tôn giáo có được mảnh đất tốt để phát triển. Khi đa nguyên phát triển trong bối cảnh xã hội mới, nó sẽ cần nhiều hơn những lý luận triết học để biện hộ cho sự tồn tại của mình.

1.2. Những cách hiểu về khái niệm “đa nguyên tôn giáo”

Peter Berger chỉ ra rằng tính đa nguyên của tôn giáo nhắc nhở mỗi cá nhân rằng tín ngưỡng của họ là sự ưa thích cá nhân, là một vấn đề của lựa chọn, và không còn là một phần hay bộ phận của vai trò thành viên của họ trong xã hội. Theo đó, khi một người có điều kiện chọn cách này lý giải tôn giáo này hay cách khác, và khi các cách diễn giải khác nhau và các tổ chức tôn giáo cạnh tranh trong một “thị trường” tôn giáo chung, thế giới quan tôn giáo nói chung đã mất đi phần nào giá trị hay uy quyền. Hơn nữa, trong bối cảnh đa nguyên, người ta phải chấp nhận thực tế là có thể một người có thể chọn tôn giáo của người khác để theo hoặc không tin theo tôn giáo nào (Berger 1967, p. 151)⁽¹⁰⁾.

Từ phương diện logic phổ biến, kể cả theo triết học hay thần học, người ta thường nói về một cội nguồn hiện thực được trải nghiệm qua nhiều con đường khác nhau. Theo Harold Coward trong

cuốn *Đa nguyên trong các tôn giáo thế giới* đây là cách giải thích được nhiều người chấp nhận khi nói về đa nguyên tôn giáo. Người ta dùng nhiều khái niệm hay tên riêng khác nhau để chỉ về Một đấng Sáng tạo duy nhất. Với Phật giáo, luật nhân quả về *nghiệp* là một thực tại mà các tôn giáo phải đối mặt. Do Thái giáo Kitô giáo cùng chia sẻ cách hiểu Kinh Thánh rằng mọi dân tộc và quốc gia đều thuộc một Chúa Trời. Trong Islam giáo, người ta tin vào cuốn sách Mạ vốn là cội nguồn của các kinh sách tôn giáo khác⁽¹¹⁾.

Định nghĩa về đa nguyên tôn giáo thường là một định nghĩa mở bởi tồn tại nhiều cách nhìn nhận khác nhau về khái niệm mới này. Cơ bản nhất, *đa nguyên tôn giáo nói về các mối quan hệ hài hoà giữa các tôn giáo khác nhau*. Nó cũng tương đối đồng nghĩa với các khái niệm Chủ nghĩa tương đối về tôn giáo hay là Khoan dung tôn giáo⁽¹²⁾. Hiểu ngắn gọn hơn, như Christopher A. Hall nói trong bài “Chân lý, chủ nghĩa đa nguyên và chính sách tôn giáo: các phương hướng đối thoại Kitô giáo”⁽¹³⁾ *đa nguyên tôn giáo*

9. Tham khảo các bài viết của các học giả tại Hội nghị khoa học quốc tế “Bước đầu trao đổi: Tôn giáo và pháp quyền ở Đông Nam Á” diễn ra tại Hà Nội, tháng 9 năm 2006; có thể xem: Jean Baubérot. “French Laicization in the Worldwide Context” trên *Religious Studies Review*, Vol. 1, No. 1, January 2007;

10. Dẫn theo Stephen J. Hunt. *Religion in Western Society*. Nxb. Palgrave, New York, 2002, p. 19.

11. Harold Coward. *Pluralism in the World Religions*. Nxb. Oneworld, Oxford, 2000, p. 140-141.

12. Theo từ điển Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, mục đa nguyên tôn giáo (religious pluralism), truy cập tại: http://en.wikipedia.org/wiki/Religious_pluralism

13. Christopher A. Hall. “Truth, Pluralism and Religious Diplomacy: A Christian Dialogical Perspectives” trong: Robert A. Seiple và Dennis R. Hoover chủ biên. *Religion & Security - The new Nexus in International Relations*. , Nxb. Rowman & Littlefield, 2004.

nghĩa là các cách hiểu đa dạng về chân lí tôn giáo.

Một phương diện khác khi bàn về đa nguyên tôn giáo là sự chống lại nỗ lực tập trung thu tóm mọi tôn giáo lại thành một tôn giáo phổ biến toàn cầu. Đương nhiên với những người tin theo thuyết đa nguyên tôn giáo, một tôn giáo phổ biến duy nhất là không chấp nhận được bởi vì như thế sẽ dẫn đến việc vi phạm nguyên lí tự do tín ngưỡng tôn giáo. Thống nhất mà không có đa dạng sẽ dẫn đến việc chối bỏ tự do tín ngưỡng tôn giáo. Cái cần thiết là dùng một tôn giáo nào đó để đối thoại với các truyền thống (tôn giáo) khác như là phương tiện để tiếp cận sâu hơn với cội nguồn Sáng tạo⁽¹⁴⁾.

Từ góc độ xem tôn giáo như là phương tiện, Harold Coward cũng chỉ ra rằng đa dạng tôn giáo thúc đẩy chức năng phương tiện của nó. Khi đạt đến mặc khải hay giác ngộ, người ta sẽ không cần đến nó nữa. Rõ ràng, kể cả trong quan niệm phương Tây, cái thường được coi là cốt lõi của các tôn giáo thực ra là một tuyển tập đặc biệt của các phương tiện mà người ta nhờ đó có thể đạt đến cái Một. Tuy thế, vấn đề nằm ngay trong khái niệm đa nguyên tôn giáo khi nó là các dạng thức của các tôn giáo khác nhau được tuyệt đối hoá hơn là cái Một⁽¹⁵⁾.

Theo Wikipedia - một từ điển bách khoa toàn thư trực tuyến mở, đa nguyên tôn giáo là niềm tin cho rằng có nhiều hơn một tôn giáo có khả năng thuyết giảng về các chân lí. Đa nguyên tôn giáo tin rằng không có một tôn giáo nào có thể toàn quyền rao giảng về chân lí tuyệt đối. Từ Chúa Trời không có nghĩa là tôn giáo. Ngược lại, các tôn giáo ra sức mô tả, tường thuật lại những lời dạy của Chúa

Trời. Bởi bản chất cố hữu và dễ sai lầm của con người, không có văn bản tôn giáo nào do con người viết ra lại có thể mô tả hoàn toàn về Chúa Trời, ý chí của Chúa Trời.

Trong khi đó, có một thực tế là các nhà đa nguyên tôn giáo đã chỉ ra rằng hầu như các văn bản tôn giáo là một sự kết hợp có tính toán những quan sát của con người được ghi lại, chẳng hạn như chép sử, làm thơ, giảng dạy và kịch nghệ. Các văn bản đó gây ra nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến sự thực là không có tôn giáo nào đủ khả năng thu lượm và chuyển tải mọi chân lí. Mặc dù các tôn giáo đều ra sức nắm bắt hiện thực, chúng đã thực hiện điều này ra trong các bối cảnh văn hoá và lịch sử chuyên biệt vốn ảnh hưởng trực tiếp đến quan điểm của người viết.

Nhận diện chung về các tín đồ của đa nguyên tôn giáo, người ta có thể nói họ là những người tin vào hệ thống niềm tin do họ tự thân tạo thành là "đúng đắn". Nói cách khác, tôn giáo của họ là một cách diễn giải chính xác và hoàn hảo nhất về thần thánh, mặc dầu họ thừa nhận rằng các tôn giáo khác cũng rao giảng nhiều chân lí về bản chất của Chúa Trời và con người và như thế. Đây là cơ sở để chúng ta hoàn toàn có thể thiết lập những nền tảng chung giữa các hệ thống tín ngưỡng khác nhau.

Sau cùng, đa nguyên tôn giáo cũng được coi như hình thức đối thoại liên tín ngưỡng hay đối thoại liên tôn giáo. Đối thoại liên tôn nói đến đối thoại giữa các thành viên của các tôn giáo khác nhau với mục đích làm giảm xung đột giữa các

14. Harold Coward. Sđd, p. 141.

15. Harold Coward. Sđd, p. 141-142.

tôn giáo và đạt sự đồng thuận về những mục tiêu chung.

1.3. Những ý tưởng của John Hick

Một nhà tư tưởng không thể không nhắc đến là John Hick⁽¹⁶⁾ (sinh năm 1922). Ông là một triết gia tôn giáo, một nhà thần học quan trọng và có nhiều ảnh hưởng. Trong lĩnh vực triết học tôn giáo, ông có nhiều đóng góp về nhận thức luận tôn giáo và đa nguyên tôn giáo.

Hick được biết nhiều đến nhất là vì ông ủng hộ cho chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo. Bản thân ông tin rằng tín ngưỡng tôn giáo là một sản phẩm của văn hoá. Hick tranh luận rằng nếu Giêsu thực sự là hiện thân của Chúa Trời, và nếu chỉ có cái chết của Ngài mới cứu rỗi được cho nhân loại, thế thì ở những vùng người ta không biết đến Kitô giáo, có nghĩa là người ta không được cứu rỗi hay sao? Cả quan niệm tổng hợp (cho là mặc dù các tôn giáo khác cũng có thể bao hàm chân lí, chỉ có Giêsu Kitô mang đến) lẫn duy nhất hoá (tin các tín ngưỡng cốt lõi của Kitô giáo là chân thực, nhưng cũng có cái nhìn tích cực đến các tôn giáo khác) đều dẫn đến vấn đề là có những người sẽ không bao giờ được cứu rỗi. Chính vì thế Hick đưa ra cách thứ ba: đó là chủ nghĩa đa nguyên, phản đối Giêsu là duy nhất, hoặc tín ngưỡng Kitô là siêu việt hơn hẳn so với các truyền thống tôn giáo khác. Ở đây ông coi chân lí tôn giáo có quan hệ cân xứng với các nền văn hoá, và với từng cá nhân. Với ông, các tôn giáo khác nhau đều phù hợp, nếu phản ứng qua lăng kính văn hoá một cách có điều kiện tới cái "Thực tại Tối thượng" hay là Thực thể Thần thánh.

Trong các tác phẩm chính đề cập đến đa nguyên tôn giáo của ông, đáng chú ý là cuốn *Một cách lí giải về tôn giáo*⁽¹⁷⁾.

Cuốn sách này nhấn mạnh ý tưởng nhận thức luận về tín ngưỡng. Ở đây Hick đưa ra quan điểm các tôn giáo chính của thế giới là những con đường có giá trị như nhau để trải nghiệm Thực tại tối thượng dưới nhiều dạng thức khác nhau. Các tôn giáo lớn nhất của thế giới, theo ông, đều là các con đường dẫn đến sự cứu rỗi⁽¹⁸⁾.

Ở mức độ rộng, đa nguyên tôn giáo là niềm tin rằng không tôn giáo nào có sự độc quyền về chân lí hoặc đời sống sẽ dẫn tới cứu rỗi. Cứu rỗi là một khái niệm chỉ quá trình biến đổi của con người trong cuộc sống này từ việc coi bản thân là trung tâm một cách tự nhiên cho tới một định hướng mới tập trung vào thực thể thần thánh tối cao, Chúa Trời, và dẫn tới sự hoàn thiện vượt lên trên cuộc sống này⁽¹⁹⁾. Quá trình này, theo Hick đã diễn ra thành công và cũng không thành công trong các tôn giáo lớn của thế giới. Và lí thuyết đa nguyên về tôn giáo là một nỗ lực giải thích tình trạng này.

John Hick còn trình bày tư tưởng của ông về đa nguyên tôn giáo trong nhiều cuốn sách và bài báo khác. Ông nhấn mạnh rằng bất cứ lí thuyết đa nguyên nào cho rằng mọi tôn giáo đều là những phóng chiếu từ một Thực tại Tối thượng đều phải đối mặt với một khó khăn tức thời: mâu thuẫn trong việc tuyên bố về chân lí. Nói cách khác là làm sao mà mọi

16. Hiện ông là phó chủ tịch của Hiệp hội Anh về Triết học và Tôn giáo, Phó Chủ tịch Hội đồng Tín ngưỡng thế giới (The World Congress of Faiths).

17. *An Interpretation of Religion*. Xuất bản 1989, tái bản 2004.

18. John Hick. "Religious Pluralism and Salvation" trong Philip L. Quinn và Kevin Meeker (biên tập). *The Philosophical Challenge of Religious Diversity*, Nxb. Oxford University, 2000, p. 56.

19. John Hick. *Ibid.*, p. 56.

tôn giáo đều là phóng chiếu từ một Thực tại Tối thượng duy nhất lại mâu thuẫn với nhau? Hick đã cố gắng giải thích về mâu thuẫn này.

Khi trình bày về lí thuyết đa nguyên tôn giáo, Hick giải thích 04 yếu tố quan trọng: (1) sự thực là con người sinh ra vốn đã có tôn giáo, (2) thừa nhận có sự đa dạng đáng kể trong nội dung thực sự của tín ngưỡng tôn giáo, (3) tín ngưỡng tôn giáo không phải là một ảo tưởng, và (4) thừa nhận rằng hầu như mọi truyền thống tôn giáo thay đổi tích cực đời sống tín đồ của nó, đặc biệt trên phương diện đạo đức. Bởi hai yếu tố đầu là chứng cứ tự thân với hầu hết mọi người, Hick tập trung phân tích hai yếu tố sau trong đó ông cực lực phản đối hai cách tiếp cận khác khi tìm hiểu các hiện tượng tôn giáo là chủ nghĩa tự nhiên (phủ nhận việc cho rằng mọi tôn giáo là phóng chiếu từ một thực tại tối thượng) và chủ nghĩa tuyệt đối hoá, vốn nhấn mạnh tính chuyên chế (chỉ một hệ tín ngưỡng tôn giáo là đúng, còn các hệ khác là sai).

Nói ngắn gọn, lí thuyết đa nguyên của John Hick tuyên bố những điều sau đây: 1. Có một thực thể thần thánh, cái Thực (the Real), là cội nguồn tối thượng của mọi kinh nghiệm tôn giáo; 2. Không có truyền thống tôn giáo nào đạt được cách hiểu trực tiếp về cái Thực; 3. Mỗi truyền thống tôn giáo thể hiện một cách duy nhất để hiểu biết và trải nghiệm cái Thực; và 4. Cái Thực vượt lên mọi cách diễn tả cả tiêu cực lẫn tích cực⁽²⁰⁾.

2. Các điều kiện cho sự tồn tại đa nguyên tôn giáo

Một câu hỏi dễ được đặt ra cho những ai quan tâm đến “đa nguyên tôn giáo” là

các điều kiện cho sự tồn tại của nó là gì? Thực tế, các điều kiện cho sự tồn tại đa nguyên tôn giáo xuất phát ngay từ điều kiện đa nguyên của một xã hội mới. Nhưng về cơ bản, điều kiện cho đa nguyên tôn giáo trước hết phải là tự do tôn giáo, sau đó là sự hoà hợp và sẵn sàng đối thoại giữa các truyền thống tôn giáo khác nhau hay các trường phái thần học khác nhau. Bên cạnh đó, các truyền thống tôn giáo khác nhau đang cùng tồn tại cần có một nỗ lực thực sự nhằm tìm hiểu và tôn trọng lẫn nhau.

Bài viết về mục từ “đa nguyên tôn giáo” trên Wikipedia cho rằng tự do tôn giáo bao gồm mọi hoạt động tôn giáo theo luật ở một khu vực cụ thể, bất kể một tôn giáo có chấp nhận các tôn giáo khác là theo luật hay tự do lựa chọn tôn giáo và đa nguyên tôn giáo là điều tốt đẹp. Nhiều tín đồ tôn giáo tin rằng đa nguyên tôn giáo không nên khuyến khích cạnh tranh mà là hợp tác, và cho rằng những thay đổi về thần học là cần thiết để vượt qua những khác biệt giữa các tôn giáo, hoặc giữa các nhánh phái ngay trong cùng một tôn giáo⁽²¹⁾.

Tác giả Christopher A. Hall trong bài viết *Truth, Pluralism, and Religious Diplomacy: A Christian Dialogical Perspective*⁽²²⁾ nói cụ thể hơn về điều kiện của tự do tôn giáo đối với đa nguyên tôn giáo như sau: Tự do tôn giáo nên được hiểu ở 02 cấp độ. Một là ở cấp độ cá nhân, và thứ hai là ở cấp độ xã hội. Mỗi người

20. Tham khảo: Keith E. Johnson trong *John Hick's Pluralistic Hypothesis and the Problem of Conflicting Truth-Claims*, truy cập tại: <http://www.leaderu.com/wri/articles/hick.html>

21. Tài liệu đã dẫn.

22. Robert A. Seiple và Dennis R. Hoover (chủ biên). Sđd.

phải có tự do chọn lựa tôn giáo của riêng mình. Sự chấp nhận của một cá nhân về tín ngưỡng tôn giáo, nếu là thành thực, phải là kết quả của sự tự do chọn lựa⁽²³⁾. Tự do tôn giáo thực sự nâng cao giá trị của đa nguyên và tôn trọng đa nguyên một cách sâu sắc⁽²⁴⁾.

Như vậy, trên nhiều phương diện lý thuyết và thực tiễn, sự tồn tại của đa nguyên tôn giáo trước tiên phụ thuộc vào sự tồn tại của tự do tôn giáo. Tự do tôn giáo tồn tại khi các tôn giáo khác nhau ở một khu vực được hưởng cùng các quyền như nhau về thờ cúng và diễn tả tôn giáo nơi không gian công cộng.

3. Những vấn đề Đa nguyên tôn giáo đặt ra hiện nay

Có hai câu hỏi có tính quan hệ chặt chẽ: “các tôn giáo phản ứng với đa nguyên tôn giáo như thế nào?” và “những vấn đề đa nguyên tôn giáo đang đặt ra trong tương lai gần là gì?”

Trong cuốn *Pluralism in the World Religions* (Đa nguyên trong các tôn giáo thế giới) Harold Coward⁽²⁵⁾ đã khảo sát cách thức một số tôn giáo đã phản ứng và đang phản ứng với những thách thức đặc biệt của vấn đề đa nguyên. Tác giả hi vọng nghiên cứu như thế sẽ giúp tín đồ từ các truyền thống tôn giáo tín ngưỡng khác nhau có điều kiện hiểu tốt hơn về tôn giáo của nhau và nhận thức được các chiều hướng đúng đắn của đời sống tinh thần trong một thế giới đa nguyên.

Về Do Thái giáo, tác giả chỉ ra rằng tôn giáo này phát sinh từ bối cảnh đa nguyên của Cận Đông cổ đại, nó đã có bề dày phản ứng lại đa nguyên tôn giáo từ thời Babylon (586 BC). Trong suốt giai đoạn cổ và trung đại, các quan điểm cơ

bản có thể thấy là xem các tôn giáo đa dạng như là các phóng chiếu khác nhau của một vị thần Logos; hoặc chỉ Do Thái giáo là tín ngưỡng được mặc khải bởi Thượng Đế và vì thế mà chân thực trên mọi phương diện. Sang giai đoạn hiện đại, khi Do Thái giáo bắt đầu xuất hiện cả ở người không phải là Do Thái, nó nhấn mạnh tính toàn thể của mối quan hệ giữa loài người, thế giới và Thượng Đế. Sau này, có một quan điểm mới có vẻ cởi mở hơn khi coi mọi tôn giáo như những phóng chiếu đa dạng của một khái niệm Thượng Đế. Tác giả cho rằng sự đa dạng giữa các tôn giáo được xem như yếu tố tích cực gia tăng sức mạnh cho toàn thể cộng đồng tôn giáo trong sự đối nghịch với các lực lượng xã hội thế tục xung quanh.

Về Kitô giáo, trên cơ sở xem xét Tân ước, tác giả đề cập quan hệ trong lịch sử của Kitô giáo với các tôn giáo khác và phân tích sự đụng độ của Kitô giáo hiện đại với các tôn giáo đó và những phát triển gần đây của tôn giáo này. Vấn đề cơ bản là Kitô giáo cho mình là duy nhất nhưng chính Tân ước lại cung cấp cơ sở cho những ý tưởng về sự cởi mở. Điều cốt lõi là quan điểm khác nhau về sự hiện thân chân thực của Giêsu.

Riêng về quan điểm đa nguyên tôn giáo của Islam giáo, nhìn chung, tôn giáo này tin mình là mặc khải duy nhất và các tôn giáo từng có chỉ là những nhánh trệch hướng từ một tôn giáo gốc ban đầu. Vấn đề của tôn giáo này hiện nay là nó không hiểu rõ các tôn giáo khác vì thiếu

23. Robert A. Seiple và Dennis R. Hoover (chủ biên). Sđd, p. 103.

24. Sđd., p. 108.

25. Sđd.

thông tin, mặt khác các học giả Islam giáo thường phân tích Kitô giáo và Do Thái giáo theo quan điểm của kinh Koran chứ không phải như bản thân các tôn giáo đó hiện nay.

Coward cũng đi sâu phân tích mối quan hệ giữa đa nguyên tôn giáo và tín ngưỡng Bahá'í, với Hindu giáo và Phật giáo. Bahá'í được coi là một trong những phong trào tôn giáo mới của thế giới hiện đại, từng đạt tới số tín đồ khoảng 6 triệu người và được coi như một tôn giáo thế giới. Quan điểm về đa nguyên tôn giáo của Bahá'í được xem xét qua ý kiến của học giả Seena Fazel của tín ngưỡng này coi tín đồ Bahá'í như những nhà đa nguyên hơn là nhất nguyên tôn giáo vốn chỉ coi một tư tưởng tôn giáo là chân thực hay coi tôn giáo của họ là toàn thể sự thực, và các tôn giáo khác chỉ có một phần sự thực. Đối với Phật giáo, tác giả nhấn mạnh tính khoan dung có truyền thống của tôn giáo này.

Một đặc điểm phổ biến thách thức đa nguyên là xu thế áp đặt các tiêu chí của một tôn giáo này lên một tôn giáo khác. Thông thường, sự đánh giá của mỗi tôn giáo về truyền thống của mình xuất hiện khi nó tiếp xúc với các tôn giáo khác. Đa nguyên tôn giáo luôn đòi hỏi chúng ta chia sẻ những kiến thức, hiểu biết của riêng mình về tôn giáo với người thuộc tôn giáo khác. Nếu việc chia sẻ này được thực hiện trên tinh thần cảm thông, và tôn trọng vì mục đích tương hợp giữa các tôn giáo, nó sẽ dẫn đến sự phát triển về tâm linh và làm giàu đời sống tinh thần cho tất cả⁽²⁶⁾.

Harold Coward tổng kết những đe dọa và khó khăn với đa nguyên tôn giáo hiện nay như sau:

- Hoạt động truyền giáo diễn ra khi việc áp đặt tiêu chí của một tôn giáo này lên một tôn giáo khác kéo theo nỗ lực làm đổi đạo của người khác;

- Sự tái xuất hiện của sự bất đồng, chia rẽ giữa các tôn giáo hữu thần và các tôn giáo vô thần;

- Sự xung đột giữa những tuyên bố có tính hiến định về "bình đẳng" và việc các tôn giáo hiểu về các cá nhân nằm ở các mức độ giác ngộ khác nhau và do đó là không bình đẳng. Vấn đề bình đẳng chỉ là một vấn đề của đa dạng tôn giáo và văn hoá thời hiện đại. Chẳng hạn Islam giáo nhìn bản thân mình là một quốc giáo. Nếu nó cố gắng giành cả một quốc gia cũ như Mỹ hay Canada, vốn là đa văn hoá, nó sẽ được coi là có tính phá hoại;

- Một vấn đề nữa là đôi lúc một số thành viên của một số tôn giáo phản ứng với thách thức của đa nguyên tôn giáo bằng xu hướng đấu tranh quân sự, cái dẫn đến "bạo lực tôn giáo"⁽²⁷⁾.

Có một lí do chính tại sao đa nguyên tôn giáo trở thành vấn đề đáng quan tâm là vì tín đồ của nhiều tôn giáo sợ nó sẽ là mối họa cho tôn giáo mà họ tin là tuyệt đối. Thừa nhận hiện tượng đa nguyên tôn giáo, người ta sẽ thừa nhận tính tương đối trong vấn đề tôn giáo và sau cùng sẽ đi đến những hoài nghi về tính thuyết phục của chính tôn giáo họ đang theo. Đa nguyên tôn giáo do đó đe dọa xói lở nền móng tôn giáo bấy lâu nay họ xây dựng.

Vậy các tôn giáo đã phản ứng thế nào trước vấn đề hóc búa này? Đây là ba khuynh hướng cơ bản:

26. Harold Coward. Sdd., tr. 143-144.

27. Harold Coward. Sdd., tr. 143-147.

1. Xem các tôn giáo khác là đối thủ hay thù nghịch, hoặc phủ nhận chúng, hoặc cố gắng làm thế nào để tén đồ các tôn giáo khác cải đạo theo tín ngưỡng của mình.

2. Cố tìm những điểm tương đồng giữa tôn giáo của mình và các tôn giáo khác rồi lượng định giá trị mà không có thành kiến hay bác bỏ.

3. Cởi mở hơn trong việc thừa nhận một chân lí cho tất cả các truyền thống tôn giáo và cho rằng các tôn giáo là những biểu hiện khác nhau của một Chân lí chung⁽²⁸⁾.

Quan tâm đến chủ đề *Tôn giáo và an ninh - môi liên hệ mới trong quan hệ quốc tế*, trong phần giới thiệu cuốn sách cùng tên⁽²⁹⁾ có tiêu đề *Tôn giáo trở nên hiện thực*, Dennis R. Hoover tóm tắt ý tưởng của các đồng nghiệp trong cuốn sách này. Đáng chú ý là Phần II "Triển vọng của đa nguyên tôn giáo: Tạo ra một thế giới an toàn cho sự đa dạng", bắt đầu với chương viết của Manfred T. Brauch về đa nguyên theo tổ phụ Abraham trong phương diện thần học. Tác giả này cho rằng sự đa dạng của phả hệ Abraham sẽ chỉ mang lại an ninh và ổn định khi mọi thành viên - đặc biệt là các nhà thần học của mỗi nhánh- dũng cảm đối mặt với các lĩnh vực khác nhau của mảnh đất chung trong Kinh Thánh.

Như thế, những thách thức của đa nguyên tôn giáo với các tôn giáo nói riêng và với xã hội nói chung là không nhỏ. Nếu đa nguyên tôn giáo đã là một tất

yếu, và nó chứng minh được sự tồn tại hữu ích của mình, thì các nền văn hoá sẽ có những chiến lược phù hợp để hấp thụ chúng.

4. Kết luận

Tôi muốn dẫn ý kiến của Harold Coward trong cuốn sách của ông để tạm kết luận cho chủ đề nghiên cứu này: Đa nguyên tôn giáo là một thách thức đặc biệt mà các tôn giáo thế giới hiện nay phải đối mặt, nhưng đồng thời nó cũng luôn tồn tại cùng với con người. Mỗi tôn giáo phát sinh trong một môi trường đa nguyên và hình thành trong quá trình phản ứng với đa nguyên. Sự căng thẳng trong sáng tạo do đa nguyên tạo ra đã thường là chất xúc tác cho những phát triển của tôn giáo.

Ông cũng chỉ ra rằng chính những thời điểm trong lịch sử của mỗi tôn giáo, khi mà thách thức của đa nguyên suy giảm hẳn đi, đó lại thường là dấu hiệu của một giai đoạn đình trệ về tâm linh. Và khi thách thức của đa nguyên trở lại, nó thường thúc đẩy một đời sống mới cho tôn giáo truyền thống... Do đó, mặc dù thách của đa nguyên tôn giáo là một khủng hoảng của thời đại chúng ta, nó đồng thời là cơ hội cho sự phát triển tâm linh⁽³⁰⁾.

28. Tham khảo: William Ernest Hocking. *Living Religions and A World Faith*. New York: Macmillan, 1940; Wilfred Cantwell Smith. *Towards A World Theology*. Philadelphia Westminster, 1981.

29. Robert A. Sciple và Dennis R. Hoover (chủ biên). Sđd.

30. Harold Coward. Sđd, p. 139- 140.